

Bản án số: 142/2024/HS-PT
Ngày 18 tháng 3 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024 và ngày 18 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 906/2023/TLPT-HS ngày 03 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Đỗ Thị Hồng H do có kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị Hồng H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 513/2023/HS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

Đỗ Thị Hồng H, sinh năm 1987 tại Tây Ninh; nơi thường trú: B11/15 khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nguyên kế toán trưởng Công ty TNHH Đ; trình độ học vấn: Đại học; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị K; có chồng và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 30/4/2021; có mặt.

- Bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ, địa chỉ trụ sở: 5 đường N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị Vân A - Chức vụ: Giám đốc; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Phương N

- Luật sư của Công ty Đ, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1982; địa chỉ: B khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Ông Đoàn H1, sinh năm 1981; địa chỉ: 5 đường N, Phường A, quận T, Thành phố H; có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm 1977; địa chỉ: 1, khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ (TNHH) Điện tử R&P (sau đây viết tắt là: Công ty Đ) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên số: 0302228307, đăng ký lần đầu ngày 16/02/2001 có trụ sở tại 5 N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 01/12/2020, Công ty R có 27 lần thay đổi đăng ký với số vốn điều lệ là 3.000.000.000 đồng. Theo đó, Công ty hiện có 03 thành viên, gồm: ông Đoàn Hiệp sở h 70% vốn góp; ông Lê Quý D sở hữu 20% vốn góp; ông Đoàn H2 sở hữu 10% vốn góp, ngành nghề đăng ký kinh doanh gồm: sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính, sản xuất thiết bị truyền thông, sản phẩm điện tử dân dụng,... do bà Hoàng Thị Vân A làm Giám đốc, đại diện theo pháp luật.

Ngày 01/8/2009, bà Phan Thị Xuân T1, nguyên Giám đốc, đại diện Công ty Đ ký Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số KT0909 tuyển dụng Đỗ Thị Hồng H làm nhân viên Kế toán tại Công ty. Sau khi, Công ty thay đổi người đại diện pháp luật từ ngày 01/7/2012 đến 01/4/2020, bà Hoàng Thị Vân A (Giám đốc đại diện) ký Hợp đồng lao động và các Phụ lục hợp đồng lao động; Quyết định bổ nhiệm người phụ trách kế toán, Kế toán trưởng với Đỗ Thị Hồng H.

Ngày 29/10/2020, khi đăng nhập vào tài khoản số 0441003726499 của Công ty Đ mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần (V2) - Chi nhánh T4, bà Vân A phát hiện có giao dịch bất thường: Ngày 23/10/2020, Công ty Đ có thực hiện chi số tiền 550.000.000 đồng với nội dung “*Chuyen khoan C1 tư R&P TT tien vay theo HD vay tien so RP/VTDH-180919*” đến tài khoản số: 19012950001 mang tên Đỗ Thị Hồng H mở tại Ngân hàng TMCP S (S1) - Chi nhánh T4. Nghi ngờ có việc bất thường nên sáng ngày 02/11/2020, Vân A trực tiếp đến Phòng G của Ngân hàng V2 để kiểm tra ủy nhiệm chi nêu trên. Qua kiểm tra, phát hiện tờ ủy nhiệm chi trên của công ty có dấu hiệu làm giả nên đã yêu cầu Ngân hàng phối hợp ngăn chặn, thông báo khi phát hiện có nhân viên của công ty đến làm thủ tục chi tiền. Đến chiều cùng ngày, khi H đang đề nghị chuyển số tiền

1.200.000.000 đồng từ tài khoản số: 0441003726499 mang tên Công ty TNHH Đ mở tại Ngân hàng V2, Chi nhánh T4 đến tài khoản số: 19012950001 mang tên Đỗ Thị Hồng H, mở tại Ngân hàng TMCP S (S1) Chi nhánh T4 theo ủy nhiệm chi số ĐH021120, nội dung ghi: “*thanh toán tiền vay theo HĐ vay tiền số RP/VTĐH-180919*” thì nhân viên Ngân hàng đã không thực hiện giao dịch và gọi điện báo cho bà Vân A biết. Sau khi ngừng giao dịch theo yêu cầu của chủ tài khoản, bà Vân A và đại diện Ngân hàng V2 - Phòng G đã lập biên bản ghi nhận sự việc.

Thực hiện rà soát toàn bộ các Lệnh chi tiền của Công ty Đ, bà Vân A phát hiện từ ngày 08/4/2015 đến ngày 29/10/2020, H đã thực hiện tổng cộng 88 ủy nhiệm chi chuyển tổng số tiền 30.189.006.839 đồng từ tài khoản của Công ty R&P đến các tài khoản cá nhân của H mở tại Ngân hàng V2 Chi nhánh T4; Ngân hàng S1 Chi nhánh T4 và nhiều tài khoản khác do H sử dụng để chiếm đoạt nên ngày 12/01/2021, bà Hoàng Thị Vân A gửi đơn tố giác hành vi phạm tội của Đỗ Thị Hồng H đến Cơ quan An ninh điều tra Bộ C2 để điều tra, làm rõ.

Quá trình điều tra, xác minh đã xác định: trong thời gian điều hành hoạt động của Công ty Đ, để thuận tiện trong việc giao nhận chứng từ, hàng hóa (CO, CQ, P, Phiếu bảo hành, T2 bảo hành,...), bà Hoàng Thị Vân A - Giám đốc Công ty R&P thường ký, đóng dấu Công ty Đ kèm theo dấu “*sao y bản chính*” trước lên tờ giấy trắng khổ A4 và giao cho Đỗ Thị Hồng H quản lý, sử dụng vào mục đích bán hàng cho công ty. Theo đó, khi các bộ phận trong công ty có nhu cầu sử dụng các giấy tờ sao y bản chính để cung cấp theo yêu cầu của khách hàng nhưng Giám đốc đi vắng (*khách hàng thường yêu cầu giao bộ hồ sơ bản chính và bản sao y của Công ty kèm theo*) thì nhân viên sẽ liên hệ H để nhận tờ sao y bản chính mà bà Vân A đã ký và giao cho H trước đó để giao cho khách hàng. Lợi dụng việc này, để có tiền sử dụng vào mục đích cá nhân, H đã gian dối sử dụng các tờ giấy trắng (đã có sẵn chữ ký, con dấu của công ty như trên) để lập các phiếu chi khống, chi tiền trong tài khoản của Công ty Đ đến tài khoản cá nhân của H và các tài khoản khác liên quan đến H để chiếm đoạt bằng cách: H soạn sẵn nội dung các lệnh chi trên máy tính, rồi sử dụng tờ giấy A4 có sẵn như trên cắt thành tờ A5, đồng thời cắt bỏ luôn phần dấu “*sao y bản chính*” và thao tác canh chỉnh theo vị trí sao cho chữ ký của Hoàng Thị Vân A, con dấu của Công ty Đ trùng khớp với vị trí của chủ tài khoản trên tờ ủy nhiệm chi. Sau khi in ra tờ ủy nhiệm chi trên khổ A5, H ký vào mục dành cho “*Kế toán*”, bên cạnh chữ ký và con dấu của chủ tài khoản có sẵn trước đó và đến Ngân hàng V2 đề nghị chuyển tiền. Sau khi chuyển tiền thành công, để tránh sự phát hiện của Công ty Đ, H đã tự sử dụng thông tin đăng nhập (username, password) của mình để đăng nhập vào hệ thống kế toán Công ty Đ, tự chỉnh sửa dữ liệu, nội dung các bút toán mà mình đã chuyển tiền trước đó sao cho phù hợp, khớp với các hoạt động bình thường của Công ty R&P hoặc không đưa vào khấu trừ các chi phí hợp lý, hợp lệ của Công ty Đ khi lập báo cáo tài chính. Với phương thức trên, H đã chiếm đoạt 30.189.006.839 đồng trên tổng cộng 88 ủy nhiệm chi, trong đó có 64 ủy nhiệm chi chuyển số tiền: 27.203.167.188 đồng vào các tài khoản cá nhân

H gồm: Tài khoản số 0441003967455 và tài khoản số: 19012950001 mang tên Đỗ Thị Hồng H mở tại Ngân hàng V2, S1 - Chi nhánh T4; và số tiền: 2.985.839.651 đồng thể hiện trên 24 ủy nhiệm chi còn lại được chuyển đến các tài khoản người thân hoặc dùng cho mục đích cá nhân của H như: thanh toán tiền vay mua xe ô tô, thanh toán tiền mua máy lạnh, tiền xây dựng nhà riêng,...

Ngày 28/4/2021, Cơ quan An ninh điều tra Bộ C2 ra Quyết định khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam và L khám xét đối với Đỗ Thị Hồng H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” để xử lý theo pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Thị Hồng H xác nhận trên từng ủy nhiệm chi và thừa nhận hành vi như nêu trên. Theo đó, H khai nhận: do Công ty Đ thường xuyên phải sử dụng các giấy tờ sao y bản chính có chữ ký của bà Hoàng Thị Vân A, Giám đốc công ty và con dấu của Công ty Đ để cung cấp cho các đối tác khi mua hàng. Do Giám đốc không thường xuyên có mặt tại công ty và để thuận tiện trong công việc, H sử dụng tờ giấy trắng khổ A4 chưa ghi nội dung để đóng dấu Công ty R&P, dấu “sao y bản chính” trước rồi đưa lại để bà Vân A ký tên, giao lại cho H quản lý, sử dụng khi cần. Thời điểm này, H là nhân viên phụ trách, Kế toán trưởng công ty, bản thân đang cần tiền nên đã nảy sinh việc lập không các ủy nhiệm chi chuyển tiền từ tài khoản của Công ty Đ đến các tài khoản cá nhân để chiếm đoạt tiền. Để lập không các ủy nhiệm chi, H sử dụng tờ giấy khổ A5 áp lên tờ giấy A4 rồi tự cân chỉnh sao cho mục chữ ký “chủ tài khoản” trên tờ ủy nhiệm chi trùng khớp chữ ký của Hoàng Thị Vân A và con dấu của Công ty Đ đã có sẵn trước đó, cắt bỏ thành tờ có khổ A5 tương ứng; sau khi thấy trùng khớp, H nhập các thông tin trên ủy nhiệm chi như: số tài khoản chuyển tiền, tài khoản thụ hưởng, số tiền và nội dung chuyển... Để tránh bị phát hiện, H thường ghi nội dung thanh toán trên ủy nhiệm chi là thanh toán hợp đồng vay cho ông Đoàn H1 (người góp vốn, thường cho công ty vay tiền), với thông tin như: “Thanh toán HĐ vay số... RP/VTĐH”. Sau khi nhập tất cả các thông tin của ủy nhiệm chi trên máy tính, H sử dụng tờ giấy A5 có sẵn chữ ký, con dấu của Công ty Đ trước đó đưa vào máy để in. Tờ ủy nhiệm chi được in ra đã có sẵn chữ ký của Hoàng Thị Vân A và con dấu của Công ty Đ trên mục “Chủ tài khoản”, H ký vào mục “Kế toán” trên tờ ủy nhiệm chi và đến ngân hàng làm thủ tục đề nghị chi tiền theo ủy nhiệm chi mà mình tự lập. Bằng thủ đoạn trên, H đã chiếm đoạt tiền của Công ty Đ nhiều năm trước nhưng không bị phát hiện vì H ghi lý do chi hợp lý, công ty T5 có phát sinh nghiệp vụ tài chính vay tiền, công nợ như H thể hiện trên phiếu chi nên bà Vân A không chú ý, không đối chiếu phiếu chi và đường đi dòng tiền thực tế nên nhiều năm vẫn không phát hiện sự việc. Quá trình làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H, Đỗ Thị Hồng H thay đổi lời khai, H cho rằng: giữa H và bà Hoàng Thị Vân A có thỏa thuận chi tiền ngoài để nhận 09% hoa hồng doanh thu bán hàng, cụ thể: khi có yêu cầu chi tiền từ Hoàng Thị Vân A, H sẽ sử dụng tiền mặt riêng của mình để chuyển vào các tài khoản là nhóm công ty của người trong gia đình bà Hoàng Thị Vân A, gồm: Công ty TNHH Đ, Công ty TNHH Đ, Công ty TNHH Đ, Công ty D1, Công ty H5, Công ty H6. Để trả lại các khoản

tiền mà H đã chi, từ năm 2015 đến 2020, Hoàng Thị Vân A đã chỉ đạo lập tổng cộng 88 ủy nhiệm chi, chuyển tổng cộng số tiền 30.189.006.839 đồng từ tài khoản của Công ty Đ đến các tài khoản cá nhân của H mở tại Ngân hàng V2, Ngân hàng S1 và nhiều tài khoản khác do H sử dụng. Tuy nhiên, H không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến thỏa thuận giữa H và bà Vân A như H khai. Đồng thời làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H, bị hại, những người liên quan khai báo như sau:

- Bà Hoàng Thị Vân A khai: mặc dù không tham gia góp vốn trong Công ty R&P nhưng bà Vân A là đại diện theo pháp luật công ty và được Hội đồng thành viên công ty G1 điều hành hoạt động, xử lý các vấn đề tại Công ty Đ. Vì là Công ty R&P gia đình nên bà Vân A kiêm nhiệm thêm công việc thủ quỹ tại Công ty Đ. Trong thời gian thai sản và nghỉ sau sinh, bà Vân A thường không đến Công ty Đ để làm việc mà chủ yếu làm việc tại nhà. Vì Công ty R&P ít người nên Đỗ Thị Hồng H vừa làm Kế toán trưởng, phụ trách kế toán vừa kiêm nhiệm các công việc liên quan đến hành chính, nhân sự như: tính lương, bảo hiểm, thai sản,... Trong quá trình điều hành Công ty Đ, để phục vụ việc giao nhận chứng từ, hàng hóa và điều hành các hoạt động được kịp thời, bà Vân A có đồng ý ký trên các tờ giấy trắng khổ A4 sau khi đã đóng dấu đỏ của Công ty Đ và dấu “sao y bản chính”. Sau khi ký xong, bà Vân A giao lại cho H để quản lý và sử dụng, việc giao nhận không được lập biên bản. Sau khi phát hiện H lập các lệnh chi khống để chiếm đoạt tài sản của Công ty Đ, bà Vân A đã đại diện Công ty Đ lập biên bản sự việc tại Ngân hàng V2 và tố giác sự việc đến Cơ quan An ninh điều tra Bộ C2 xử lý theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, bà Vân A cho rằng giữa Công ty Đ và H không có bất kỳ thỏa thuận nào liên quan đến việc chi tiền mặt cũng như không có việc biết H chiếm đoạt tiền nhưng không tố giác như H trình bày. Các khoản tiền thể hiện trên 88 ủy nhiệm chi đều do H chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân và gia đình, không liên quan đến hoạt động của Công ty Đ.

- Ông Đoàn H1 khai: Công ty Đ ban đầu là Công ty của gia đình, trong số vốn điều lệ 3.000.000.000 đồng, ông H1 góp 2.700.000.000 đồng tương đương 90%; ông Đoàn H2 góp 10% còn lại tương ứng với 300.000.000 đồng. Từ ngày 01/12/2020, Công ty Đ đăng ký bổ sung thêm thành viên góp vốn là ông Lê Quý D, chiếm 20% vốn góp; ông H1 giữ 70%, còn lại 10% do ông Đoàn H2 nắm giữ. Toàn bộ hoạt động của Công ty Đ được giao cho bà Hoàng Thị Vân A (vợ ông Đoàn H1) quản lý, quyết định theo biên bản họp và Quyết định của Hội đồng thành viên đề ngày 05/8/2014. Để duy trì hoạt động, xử lý các đơn hàng của Công ty Đ, giữa ông H1 và bà Vân A có ký nhiều hợp đồng vay tiền mặt. Theo đó, khi có nhu cầu vay vốn, ông H1 sẽ đưa tiền mặt cho Đỗ Thị Hồng H hoặc bà Hoàng Thị Vân A theo các Hợp đồng vay tiền trước đó và được Công ty R&P xuất phiếu thu tiền theo số tiền thực vay. Cụ thể, từ tháng 4/2017 đến tháng 9/2019, ông Đoàn H1 ký tổng cộng 17 Hợp đồng cho Công ty Đ vay tổng số tiền 36.100.000.000 đồng, Công ty Đ đã thanh toán số tiền 7.250.000.000 đồng, còn lại số tiền 28.850.000.000 đồng Công ty Đ chưa thanh toán. Trong số tiền Công

ty Đ thanh toán, có số tiền 2.500.000.000 đồng được Công ty Đ chuyển khoản thanh toán qua ngân hàng vào các ngày 01/2/2019 và ngày 16/1/2019; số tiền ông Đoàn H1 cho vay và thanh toán còn lại đều được giao dịch bằng tiền mặt. Ông H1 xác nhận việc giao nhận, thanh toán tiền tại Công ty Đ đều có chứng từ phiếu thu, phiếu chi thể hiện và được hạch toán đầy đủ trên sổ sách kế toán của Công ty Đ. Số tiền 2.500.000.000 đồng được Công ty Đ chuyển vào tài khoản cá nhân của ông không liên quan đến các khoản tiền do H chiếm đoạt.

- Các nhân viên của Công ty Đ khai: tại Công ty Đ, lương thưởng được chi trả bằng tiền mặt. Khi nhận, các nhân viên phải ký xác nhận bằng lương do Công ty Đ lập và nhận tiền mặt từ Đỗ Thị Hồng H (tiền lương công ty đã giao cho H trước đó). Do nhu cầu sử dụng tiền trong tài khoản nên nhiều nhân viên đã thỏa thuận riêng với Đỗ Thị Hồng H để nhận tiền từ tài khoản của H chuyển sang, việc thỏa thuận này bà Hoàng Thị Vân A không biết.

Trong thời gian làm việc tại Công ty Đ có biết việc bà Hoàng Thị Vân A ký, đóng dấu sẵn các bản “*sao y bản chính*” đưa cho Đỗ Thị Hồng H quản lý, sử dụng khi cần giao chứng từ cho khách hàng. Tại Công ty Đ, H là Kế toán trưởng, phụ trách bộ phận kế toán và kiêm thêm các công việc liên quan đến hành chính nhân sự; không ai biết và cùng tham gia cùng H thực hiện việc lập khống các ủy nhiệm chi nhằm chiếm đoạt tiền của công ty.

- Các cá nhân chủ tài khoản tiếp nhận tiền Công ty R&P khai: mở tài khoản để sử dụng cá nhân, không ai biết và có quan hệ với Công ty Đ mà chỉ có quan hệ mua bán, vay mượn tiền hoặc cung cấp dịch vụ cho Đỗ Thị Hồng H. Hoặc mở tài khoản nhưng không sử dụng mà giao cho H quản lý, sử dụng (là bà Nguyễn Thị Thanh N1 - chị chồng H). Không có cá nhân nào biết về nguồn gốc số tiền được chuyển đến. Các cá nhân có vay tiền H như Lý Văn H3 (em rể H), Phan Phương T3 (bạn học H) đã trả nợ cho H.

- Nguyễn Xuân C khai: C và Đỗ Thị Hồng H kết hôn từ năm 2009 đến nay và hiện đã có 03 con chung. Sau khi biết việc vợ mình bị phát hiện, điều tra về hành vi chiếm đoạt tài sản tại Công ty Đ, C nhiều lần đến Cơ quan điều tra làm đơn tự nguyện nộp các tài sản là bất động sản nhằm khắc phục hậu quả do vợ mình gây ra. Theo đó, C thừa nhận toàn bộ 10 tài sản là bất động sản tọa lạc tại phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (02 tài sản) và tỉnh Tây Ninh (08 tài sản) mà C cùng vợ tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra đều được vợ mình mua bằng nguồn tiền riêng, không phải do C đưa hoặc góp vào nhưng không biết rõ từ đâu H có và vì là vợ chồng có nên cùng đứng tên trên các tài sản hoặc có tài sản chỉ mình C đứng tên.

Ngoài ra, Nguyễn Xuân C xác nhận vào khoảng tháng 7/2009, C có đến trụ sở Công ty K1 tại địa chỉ I đường P, Phường G, quận G để đặt mua và nhận đủ 02 bộ máy lạnh (loại máy lạnh trung tâm) và một số phụ kiện liên quan để lắp đặt tại nhà bố, mẹ vợ địa chỉ số E đường L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh với tổng giá trị ghi trên hóa đơn là 204.897.043 đồng và được vợ là Đỗ Thị Hồng H chi trả. Việc H sử dụng nguồn tiền từ đâu để chi trả thì C không rõ.

- Xác minh tại các công ty, doanh nghiệp có tiếp nhận tiền từ Công ty R&P được biết: các đơn vị có phát sinh các giao dịch mua bán, cung cấp dịch vụ máy lạnh, vệ sinh với khách hàng Đỗ Thị Hồng H như: Công ty TNHH Đ, Công ty N2, Công ty T6, Công ty T7. Khi nhận tiền, các đơn vị tiếp nhận chỉ được H thông báo để chi trả các hàng hóa dịch vụ do H sử dụng, không liên quan đến Công ty Đ, không rõ nguồn gốc khoản tiền H có.

- Ngày 13/01/2022, Cơ quan điều tra trưng cầu giám định con dấu, chữ ký trên các ủy nhiệm chi liên quan. Ngày 28/02/2022, Phòng K2 Công an Thành phố H có Kết luận giám định xác định con dấu đóng trên các ủy nhiệm chi và con dấu của Công ty TNHH Đ là do cùng một con dấu đóng ra.

Vật chứng thu giữ, tạm giữ:

+ 10 (mười) bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở (08 giấy) và Thành phố Hồ Chí Minh (02 giấy) do Đỗ Thị Hồng H tự nguyện giao nộp theo Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật đề ngày 01/3/2021 và các Lệnh kê biên tài sản đề ngày 18, 23/3/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H.

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone của bị can H theo Biên bản bắt đề tạm giam ngày 30/4/2021.

+ CPU máy tính, 01 máy in do Hoàng Thị Vân A, Giám đốc Công ty TNHH Đ giao nộp theo Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật đề ngày 23/3/2021.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị can Đỗ Thị Hồng H và gia đình đã bồi thường cho Công ty R&P với tổng số tiền là 13.387.000.000 đồng. Ngoài ra, bị can H và chồng là Nguyễn Xuân C tự nguyện giao nộp 10 tài sản là bất động sản tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh để khắc phục hậu quả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 513/2023/HS-ST ngày 28/9/2023 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 106, Điều 128 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hình phạt, biện pháp tư pháp:

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Hồng H 16 (mười sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/4/2021.

Buộc bị cáo Đỗ Thị Hồng H phải trả lại số tiền 30.189.006.839 đồng được khấu trừ số tiền đã khắc phục là 15.200.000.000 đồng nên còn phải trả lại số tiền 14.989.006.839 đồng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì các Lệnh kê biên tài sản của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H để bảo đảm bồi thường thiệt hại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ, như sau:

- Lệnh kê biên tài sản số 711-08/LKB ngày 23/3/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H, kê biên tài sản: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại huyện B và huyện C, tỉnh Tây Ninh (có danh sách chi tiết kèm theo).

- Lệnh kê biên tài sản số 711B-08/LKB ngày 07/3/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H, kê biên tài sản: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có danh sách, thông tin chi tiết kèm theo).

Đối với 10 (mười) bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở (08 giấy tại tỉnh T và 02 giấy tại Thành phố Hồ Chí Minh) theo 02 Lệnh kê biên tài sản nêu trên hiện đang niêm phong lưu trong hồ sơ vụ án. Khi bản án có hiệu lực pháp luật thì giao cho Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Các tài sản kê biên để bảo đảm bồi thường thiệt hại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ, sau khi thi hành xong nghĩa vụ trả lại tiền thì phần dư ra (nếu có) trả lại cho bị cáo Đỗ Thị Hồng H.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2023 và ngày 31/10/2023 bị cáo Đỗ Thị Hồng H có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đỗ Thị Hồng H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo kêu oan.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Sau khi xét xử bị cáo kháng cáo kêu oan. Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định được xem xét. Từ ngày 08/4/2015 đến ngày 29/10/2020, bị cáo Đỗ Thị Hồng H đã lợi dụng nhiệm vụ được giao và sự sơ hở trong quản lý của Công ty Đ có địa chỉ trụ sở: 5 đường N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ

Chí Minh, để gian dối lập và sử dụng 88 ủy nhiệm chi không, chuyển tổng số tiền 30.189.006.839 đồng từ tài khoản của Công ty Đ đến các tài khoản cá nhân của bị cáo H và các tài khoản khác liên quan với bị cáo H để chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích cá nhân. Cụ thể bị cáo H đã thực hiện hành vi phạm tội như sau: do Công ty Đ thường xuyên phải sử dụng các giấy tờ sao y bản chính có chữ ký của bà Hoàng Thị Vân A, Giám đốc công ty và con dấu của Công ty Đ để cung cấp cho các đối tác khi mua hàng. Do Giám đốc không thường xuyên có mặt tại Công ty và để thuận tiện trong công việc, bị cáo H sử dụng tờ giấy trắng khổ A4 chưa ghi nội dung để đóng dấu Công ty R&P, dấu “sao y bản chính” trước rồi đưa lại để bà Vân A ký tên, giao lại cho bị cáo H quản lý, sử dụng khi cần. Thời điểm này, bị cáo H là nhân viên phụ trách, Kế toán trưởng công ty, bản thân đang cần tiền nên đã nảy sinh việc lập không các ủy nhiệm chi chuyển tiền từ tài khoản của Công ty Đ đến các tài khoản cá nhân để chiếm đoạt tiền. Để lập không các ủy nhiệm chi, bị cáo H sử dụng tờ giấy khổ A5 áp lên tờ giấy A4 rồi tự cân chỉnh sao cho mục chữ ký “chủ tài khoản” trên tờ ủy nhiệm chi trùng khớp chữ ký của Hoàng Thị Vân A và con dấu của Công ty Đ đã có sẵn trước đó, cắt bỏ thành tờ có khổ A5 tương ứng; sau khi thấy trùng khớp, bị cáo H nhập các thông tin trên ủy nhiệm chi như: số tài khoản chuyển tiền, tài khoản thụ hưởng, số tiền và nội dung chuyển... Để tránh bị phát hiện, bị cáo H thường ghi nội dung thanh toán trên ủy nhiệm chi là thanh toán hợp đồng vay cho ông Đoàn H1 (người góp vốn, thường cho Công ty vay tiền), với thông tin như: “Thanh toán HĐ vay số... RP/VTĐH”. Sau khi nhập tất cả các thông tin của ủy nhiệm chi trên máy tính, bị cáo H sử dụng tờ giấy A5 có sẵn chữ ký, con dấu của Công ty Đ trước đó đưa vào máy để in. Tờ ủy nhiệm chi được in ra đã có sẵn chữ ký của Hoàng Thị Vân A và con dấu của Công ty Đ trên mục “Chủ tài khoản”, bị cáo H ký vào mục “Kế toán” trên tờ ủy nhiệm chi và đến ngân hàng làm thủ tục đề nghị chi tiền theo ủy nhiệm chi mà mình tự lập. Bằng thủ đoạn trên, bị cáo H đã chiếm đoạt tiền của Công ty Đ nhiều năm trước nhưng không bị phát hiện vì bị cáo H ghi lý do chi hợp lý, Công ty thực tế có phát sinh nghiệp vụ tài chính vay tiền, công nợ như bị cáo H thể hiện trên phiếu chi nên bà Vân A không chú ý, không đối chiếu phiếu chi và đường đi dòng tiền thực tế nên nhiều năm vẫn không phát hiện sự việc. Với thủ đoạn gian dối trên, bị cáo H đã chiếm đoạt 30.189.006.839 đồng trên tổng cộng 88 ủy nhiệm chi, trong đó có 64 ủy nhiệm chi chuyển số tiền 27.203.167.188 đồng vào các tài khoản cá nhân của bị cáo H gồm: tài khoản số 0441003967455 và tài khoản số: 19012950001 mang tên Đỗ Thị Hồng H mở tại Ngân hàng V2, Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T4; và số tiền 2.985.839.651 đồng thể hiện trên 24 ủy nhiệm chi còn lại được chuyển đến các tài khoản người thân hoặc dùng cho mục đích cá nhân của bị cáo H như: thanh toán tiền vay mua xe ô tô, thanh toán tiền mua máy lạnh, tiền xây dựng nhà riêng,...

Hành vi của H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, cần xử lý nghiêm khắc răn đe giáo dục phòng ngừa chung. Bị cáo không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Mức án

tuyên là thỏa đáng. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm, xử phạt bị cáo 16 năm tù. Các quyết định khác có hiệu lực thi hành.

Bị cáo H trình bày: bị cáo không có hành vi cất chứng từ. Xin trích 88 ủy nhiệm chi để chứng minh số tiền 30 tỷ là do bà Vân A sử dụng. Bị cáo không có hành vi cất chứng từ, mục kế toán do rất nhiều người ký. Bị cáo xin được sao kê chi tiết tài khoản ngân hàng của bị cáo và các bên có liên quan chứng minh bà Vân A sử dụng số tiền đó. Bà A mượn tài khoản của bị cáo, mượn tài khoản của bà N1 để chứng minh đưa tiền cho bà A. Bà A chỉ đạo chi như vậy để lấy hoá đơn công ty, trả tiền lại cho bà A. Bị cáo xin sao kê chi tiết tài khoản ngân hàng của bị cáo và các bên có liên quan. Để chứng minh bà A lừa bị cáo. Làm việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H bị cáo có đề nghị hoàn trả tiền cho bị cáo. Bị cáo chỉ ủy nhiệm chi do rất nhiều người ký. Các nội dung bị cáo khai báo khiếu nại không được giải quyết. Bản án sơ thẩm thay đổi nội dung bị cáo trình bày. Từ năm 2015 bà A mượn tài khoản của bị cáo, bị cáo mượn tài khoản của chị chồng và chồng cho bà A mượn. Đến năm 2018 bị cáo tiếp tục dùng tiền của bị cáo để chi trả cho bà A. Yêu cầu bị cáo chi trả tiền lương thưởng cho người lao động và các bên có liên quan và 1 số người lao động bên ngoài như ông M, V, V1, nộp tài khoản của công ty, nộp tài khoản của bà Vân A, người nhà bà Vân A, chi trả các chi phí hoạt động của công ty văn phòng phẩm, điện nước, internet, vé máy bay, công tác phí. Chi dưới hình thức thanh toán tiền vay. Còn các ủy nhiệm chi còn lại như trả tiền mua máy lạnh toàn bộ hồ sơ chứng từ bà A ký và duyệt. Bị cáo không lập không, do nhiều người lập. Bà A chỉ đạo việc bị cáo chi tiền và trả tiền, các ủy nhiệm chi do nhiều người lập và do giám đốc duyệt. Bị cáo mong làm rõ bị cáo chi tiền bà A chưa trả tiền cho bị cáo. Việc bà A thỏa thuận với gia đình bị cáo nhận tiền bị cáo không đồng ý. Bị cáo yêu cầu thu hồi lại tài sản cho gia đình bị cáo và tiền bà A chưa trả cho bị cáo.

Theo thỏa thuận 9% là 7 tỷ. Thực tế bị cáo chi gần 10 tỷ.

Người bảo vệ cho bị hại Luật sư Nguyễn Phương N trình bày: bị hại không kháng cáo nhưng nội dung đơn kháng cáo của bị cáo ảnh hưởng đến quyền lợi của bị hại. Đầu tiên nhất trí quan điểm Viện kiểm sát. Bản án sơ thẩm tuyên đối với bị cáo H hoàn toàn không oan căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án căn cứ các thẩm vấn công khai. Những lời nói của bị cáo chỉ là chứng cứ khi phù hợp các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các chứng cứ đã được phân tích, trưng cầu giám định. Bản án sơ thẩm xử đúng người, đúng tội. Thời điểm ngày 02/11/2020 tại phòng giao dịch của ngân hàng bị cáo bị bắt quả tang bị cáo khóc những ngày sau đó bị cáo nhắn tin rất nhiều cho bà A xin khắc phục. Gia đình bị cáo khắc phục ngay 187 triệu đồng. Lời trình bày của bị cáo tất cả lập vi bằng. Bị cáo đang ở ngoài hoàn toàn tự do có hiểu biết pháp luật. Bị cáo thừa nhận hành vi khắc phục hậu quả, tự nguyện cùng gia đình nộp 10 tài sản khắc phục hậu quả. Bị cáo nhắc tới bà A hứa hưởng 9% doanh thu. Bị cáo là kế toán trưởng, bị cáo biết rõ bị cáo làm gì để hưởng 9% doanh thu không phải 9% lợi

nhuận. Bị cáo có nói việc trên các ủy nhiệm chi không nhiều người ký nhưng chữ ký không quan trọng điều cơ bản tiền công ty chảy vào tài khoản cá nhân của bị cáo. Quan hệ kinh tế không có mà tiền công ty chuyển vào tài khoản của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên y án bản án sơ thẩm, bởi lẽ đó là bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bà Vân A trình bày: Bà thống nhất quan điểm của luật sư.

Ông C trình bày: Ông đồng ý giao 2 tài sản phường H thửa đất số 835, 836 tờ bản đồ số 50 phường H Quận A hiện đang bị kê biên để khắc phục khoản nợ còn lại.

Bà Vân A trình bày: Bà đồng ý nhận 2 thửa đất trên, để bù tiền mặt 2.800.000.000 đồng còn thiếu bà đồng ý nhận hoán đổi thửa đất số 78, 79, 97, 98 tờ bản đồ số 2 ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Ông C trình bày: Ông không đồng ý đưa miếng đất bù 2.800.000.000 đồng vì 4 thửa có thể hơn 2.800.000.000 đồng.

Bà A trình bày: Thửa 835, 836 định giá năm 2021 có giá trị 13.974.000.000 đồng.

Bị cáo trình bày: Bị cáo xin trích lục hồ sơ vụ án chứng minh có việc chi tiền mà bà A chưa trả tiền cho bị cáo. Bị cáo không lập không ủy nhiệm chi. Tiền 30 tỷ trong tài khoản công ty do bà A sử dụng. Luật sư nói không đúng. Bị cáo bị bắt quả tang, đi ngân hàng đưa chứng từ giao dịch, làm theo yêu cầu của bà A. Bị cáo tự khai, tin theo bà A. Gia đình bị cáo thỏa thuận với bà A, bị cáo không đồng ý, thu hồi trả lại tài sản cho bị cáo. Bị cáo không chiếm đoạt mà bà A nhận 15,2 tỷ đồng của gia đình bị cáo. Ủy nhiệm chi bà A ký, bà A chi, không làm rõ nội dung khai báo của bị cáo.

Luật sư Nguyễn Phương N trình bày: Bị cáo có nói luật sư nói không cho bị cáo. Bị cáo ở ngoài trước khi bị bắt. Bị cáo xin khắc phục hậu quả và nhấn nhiều tin: đọc các tin nhắn của bị cáo... biết lỗi lầm, biết sai quá rồi, mọi lỗi lầm do em ngu ngốc quá... em ăn năn hối hận lắm. Số tiền rút công ty 30 tỷ, ủy nhiệm chi không, trả 04 lô đất, bán tài sản để khắc phục hậu quả. Đó chỉ là 2 trong số hàng chục tin nhắn bị cáo không thể chối. Bị hại lập vi bằng ngay sau đó. Bị cáo có nói lúc ở ngoài là bà A nhiều việc, nuôi con hay ký tờ giấy A4 đóng dấu sao y bản chính dấu công ty giao cho bị cáo quản lý các nhân viên công ty cũng như bị cáo và bà A cũng có lời khai như thế. Bị cáo là kế toán mà bị cáo được bà A cho phép hưởng 9% doanh thu bị cáo phải biết bị cáo là kế toán sao lại thỏa thuận cho bị cáo hưởng 9% doanh thu? Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không cách nào đưa ra những chứng cứ đó. Bị cáo được xem tài liệu, bị cáo đều có quyền thực hiện quyền này thông qua luật sư của bị cáo. Luật sư xin bảo lưu quan điểm, bác bỏ toàn bộ lời tranh luận của bị cáo.

Bị cáo trình bày: Bà A không phải cho bị cáo hưởng mà chi rất nhiều khoản chi để đổi lại nhận 9%. Bị cáo không phải tự nhiên được hưởng mà phải

chi các chi phí của công ty mới được hưởng.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày: Bị cáo cho rằng bị oan các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã chứng minh rõ và Luật sư đã trình bày, vẫn giữ nguyên quan điểm đã nêu.

Ông C trình bày: Ông có nộp đơn xin tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả còn lại cho bị cáo, giao 02 lô đất ở Quận A cho bị hại, nếu còn thiếu thì sẽ giao thêm đất ở Tây Ninh.

Bà A trình bày: Bà đồng ý nhận 02 thửa đất 835, 836 tờ bản đồ số 50 phường H Quận A, nếu còn thiếu xin nhận thêm đất ở Tây Ninh. Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử làm rõ sự việc bị cáo bị oan bị cáo là người bị hại trong vụ án này để làm rõ sự việc bà Vân A lừa bị cáo và người nhà bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đỗ Thị Hồng H kháng cáo kêu oan nhưng căn cứ vào lời khai cũng như bản tự khai của bị cáo, của bị hại, đương sự tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án (Bút lục 27-29; 30-34; 53, 2726 và 2391).

Từ ngày 08/4/2015 đến ngày 29/10/2020, bị cáo Đỗ Thị Hồng H đã lợi dụng nhiệm vụ được giao và sự sơ hở trong quản lý của Công ty Đ có địa chỉ trụ sở: 5 đường N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, để gian dối lập và sử dụng 88 ủy nhiệm chi không, chuyển tổng số tiền 30.189.006.839 đồng từ tài khoản của Công ty Đ đến các tài khoản cá nhân của bị cáo H và các tài khoản khác liên quan với bị cáo H để chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích cá nhân. Cụ thể bị cáo H đã thực hiện hành vi phạm tội như sau: do Công ty Đ thường xuyên phải sử dụng các giấy tờ sao y bản chính có chữ ký của bà Hoàng Thị Vân A, Giám đốc công ty và con dấu của Công ty Đ để cung cấp cho các đối tác khi mua hàng. Do Giám đốc không thường xuyên có mặt tại Công ty và để thuận tiện trong công việc, bị cáo H sử dụng tờ giấy trắng khổ A4 chưa ghi nội dung để đóng dấu Công ty R&P, dấu “sao y bản chính” trước rồi đưa lại để bà Vân A ký tên, giao lại cho bị cáo H quản lý, sử dụng khi cần. Thời điểm này, bị cáo H là nhân viên phụ trách, Kế toán trưởng công ty, bản thân đang cần tiền nên đã nảy sinh việc lập không các ủy nhiệm chi chuyển tiền từ tài khoản của Công ty Đ đến các tài khoản cá nhân để chiếm đoạt tiền. Để lập không các ủy nhiệm chi, bị cáo H sử dụng tờ giấy khổ A5 áp lên tờ giấy A4 rồi tự cân chỉnh sao cho mục chữ ký “chủ tài khoản” trên tờ ủy nhiệm chi trùng khớp chữ ký của Hoàng Thị Vân A và con dấu của Công ty Đ đã có sẵn trước đó, cắt bỏ thành tờ có khổ A5 tương ứng; sau khi thấy trùng khớp, bị cáo H nhập các thông tin trên ủy nhiệm

chi như: số tài khoản chuyển tiền, tài khoản thụ hưởng, số tiền và nội dung chuyển... Để tránh bị phát hiện, bị cáo H thường ghi nội dung thanh toán trên ủy nhiệm chi là thanh toán hợp đồng vay cho ông Đoàn H4 (người góp vốn, thường cho Công ty vay tiền), với thông tin như: “Thanh toán HĐ vay số... RP/VTĐH”. Sau khi nhập tất cả các thông tin của ủy nhiệm chi trên máy tính, bị cáo H sử dụng tờ giấy A5 có sẵn chữ ký, con dấu của Công ty Đ trước đó đưa vào máy để in. Tờ ủy nhiệm chi được in ra đã có sẵn chữ ký của Hoàng Thị Vân A và con dấu của Công ty Đ trên mục “Chủ tài khoản”, bị cáo H ký vào mục “Kế toán” trên tờ ủy nhiệm chi và đến ngân hàng làm thủ tục đề nghị chi tiền theo ủy nhiệm chi mà mình tự lập. Bằng thủ đoạn trên, bị cáo H đã chiếm đoạt tiền của Công ty Đ nhiều năm trước nhưng không bị phát hiện vì bị cáo H ghi lý do chi hợp lý, Công ty thực tế có phát sinh nghiệp vụ tài chính vay tiền, công nợ như bị cáo H thể hiện trên phiếu chi nên bà Vân A không chú ý, không đối chiếu phiếu chi và đường đi dòng tiền thực tế nên nhiều năm vẫn không phát hiện sự việc. Với thủ đoạn gian dối trên, bị cáo H đã chiếm đoạt 30.189.006.839 đồng trên tổng cộng 88 ủy nhiệm chi, trong đó có 64 ủy nhiệm chi chuyển số tiền 27.203.167.188 đồng vào các tài khoản cá nhân của bị cáo H gồm: tài khoản số 0441003967455 và tài khoản số: 19012950001 mang tên Đỗ Thị Hồng H mở tại Ngân hàng V2, Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T4; và số tiền 2.985.839.651 đồng thể hiện trên 24 ủy nhiệm chi còn lại được chuyển đến các tài khoản người thân hoặc dùng cho mục đích cá nhân của bị cáo H như: thanh toán tiền vay mua xe ô tô, thanh toán tiền mua máy lạnh, tiền xây dựng nhà riêng,...

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị Hồng H, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đỗ Thị Hồng H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội.

[2.2] Về hình phạt: Hành vi của bị cáo Đỗ Thị Hồng H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội.

Toà án cấp sơ thẩm đã nhận định đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị hại và chồng bị cáo thoả thuận giao nhận thừa đất 835, 836 tờ bản đồ số 50 phường H Quận A, nếu còn thiếu nhận thêm đất ở Tây Ninh để khắc phục toàn bộ tiền bị cáo phải khắc phục hậu quả cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhưng các tài sản này Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định khi quyết định hình phạt đối với bị cáo và tài sản bị kê biên để khắc phục thiệt hại cho bị hại.

[2.3] Bị cáo Đỗ Thị Hồng H kháng cáo kêu oan không có cơ sở và cũng không có tình tiết gì mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm như ý

kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị.

[4] Do không được chấp nhận kháng cáo, bị cáo Đỗ Thị Hồng H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Đỗ Thị Hồng H. Giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 106, Điều 128 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Hồng H 16 (mười sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/4/2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Đỗ Thị Hồng H theo Quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo việc thi hành án.

Buộc bị cáo Đỗ Thị Hồng H phải trả lại số tiền 30.189.006.839 đồng được khấu trừ số tiền đã khắc phục là 15.200.000.000 đồng nên còn phải trả lại số tiền 14.989.006.839 đồng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì các Lệnh kê biên tài sản của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H để bảo đảm bồi thường thiệt hại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ, như sau:

- Lệnh kê biên tài sản số 711-08/LKB ngày 23/3/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H, kê biên tài sản: Quyền sử dụng đất, quyền

sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại huyện B và huyện C, tỉnh Tây Ninh (có danh sách chi tiết kèm theo).

- Lệnh kê biên tài sản số 711B-08/LKB ngày 07/3/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H, kê biên tài sản: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có danh sách, thông tin chi tiết kèm theo).

Đối với 10 (mười) bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở (08 giấy tại tỉnh Tây Ninh và 02 giấy tại Thành phố Hồ Chí Minh) theo 02 Lệnh kê biên tài sản nêu trên hiện đang niêm phong lưu trong hồ sơ vụ án. Khi bản án có hiệu lực pháp luật thì giao cho Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Các tài sản kê biên để bảo đảm bồi thường thiệt hại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ, sau khi thi hành xong nghĩa vụ trả lại tiền thì phân dư ra (nếu có) trả lại cho bị cáo Đỗ Thị Hồng H.

3. Các nội dung khác trong quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 513/2023/HS-ST ngày 28/9/2023 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bị cáo Đỗ Thị Hồng H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh ;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Trại tạm giam B34 - Bộ Công an (để tổng đạt cho bị cáo);
- Lưu (Án - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Ngọc Thu Hương